

Số: 1038/QĐ-CTHADS

Tây Ninh, ngày 30 tháng 8 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai cắt giảm kinh phí và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021

### CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-TCTHADS ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc cắt giảm kinh phí và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021 cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-CTHADS ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh về việc cắt giảm kinh phí và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

## QUYẾT ĐỊNH:

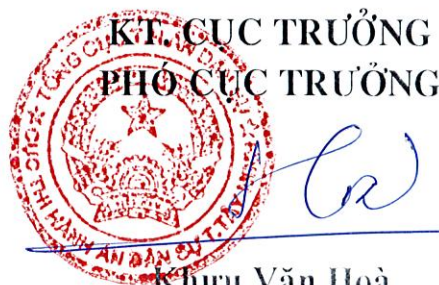
**Điều 1.** Công bố số cắt giảm, tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, các phòng chuyên môn thuộc Cục Thi hành án dân sự tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Vụ KHTC-TCTHADS;
- Niêm yết tại trụ sở Cục THADS;
- Đăng trang thông tin điện tử Cục THADS;
- Lưu: VP, P.TC-KT.



Khưu Văn Hoà



Đơn vị: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TÂY NINH

Biểu số 2

Ban hành kèm theo Thông tư số  
90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018  
của Bộ Tài chính

Chương: 014



**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-CTHADS ngày 30/8/2021  
của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh)

(Văn phòng Cục)

Dvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
1	Lệ phí	0
2	Phí	0
	Phí thi hành án dân sự	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>-5,67</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	<b>0</b>
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính (340-341)</b>	<b>-5,67</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-5,67
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>0</b>
1	Lệ phí	0
2	Phí	
2.1	Phí thi hành án dân sự	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>-218,95</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>-218,95</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính (340-341)</b>	<b>-218,95</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-55,95
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-163,00
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (070-085)</b>	<b>0</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0





